

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2023/DS-ST  
Ngày: 21 - 08 - 2023  
*V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Minh;

Ông Tạ Công Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Trương Tấn Thành, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 21 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/TLST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXX-DS ngày 02 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã DĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bi đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã DĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ, bà T có mặt phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 20/06/2023 của nguyên đơn là bà Lê Thị Đ và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà với bà Lê Thị T là chị em chú bác ruột. Bà có cho bà T vay tiền làm nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 12/11/2020 ;

Lần 2: vay số tiền 20.000.000 đồng được viết phía sau tờ lịch ngày 07/03/2021 dương lịch);

Các lần vay này bà T đều có ký tên và ghi rõ họ tên.

Tổng số tiền vay là 320.000.000 đồng, sau đó bà có nhờ con trai là anh Lê Tấn Đạt viết dùm giấy xác nhận vay tiền với nội dung bà T vay 320.000.000 đồng vào ngày 12/01/2021. Thời hạn vay không xác định trước, đến khi bên A có yêu cầu thu hồi vốn là 2 tháng. Mục đích bà T vay để cho con gái kinh doanh mua bán xe cũ. Lãi suất thoả thuận là 2% và được tặng hoa hồng khi kinh doanh tốt. Sau đó bà cùng với con dâu là chị Lê Thị Thanh Thủy đến nhà bà Lê Thị T yêu cầu bà T ký giấy nợ, bà T đồng ý ký tên và ghi họ tên. Từ khi vay đến nay bà T không có trả tiền lãi và vốn gốc lần nào cho bà. Sau khi bà T nhận tiền của bà đem đi đâu cho ai bà hoàn toàn không biết. Nay bà yêu cầu bà T trả vốn gốc là 320.000.000 đồng và tiền lãi là 100.160.000 đồng tính từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử ngày 21/08/2023 với lãi suất 1%/ tháng.

Tại phiên toà, Bà Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chỉ yêu cầu bà T trả số tiền vốn gốc là 320.000.000 đồng không yêu cầu trả lãi, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Tại bản tự khai ngày 20/07/2023 của bị đơn là bà Lê Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Trước đây giữa bà Lê Thị Đ với con gái của bà là Nguyễn Thuý Hằng có giao dịch qua lại chuyện tiền bạc và có nhờ bà đứng ra chuyển tiền giúp hai người. Đến ngày 12/01/2023 thì Bà Đ đến nhà bà, yêu cầu bà ký giúp vào “ Giấy xác nhận vay tiền” để Bà Đ không bị chồng con ghi ngờ chửi bới về việc thất thoát tiền bạc và do trời tối nên bà đồng ý ký tên vào giấy xác nhận nợ. Do có quan hệ chị em chú bác ruột nên Bà Đ đã lợi dụng chữ ký của bà trong tờ giấy xác nhận vay tiền ngày 12/01/2023 nêu trên, để khởi kiện yêu cầu bà trả nợ là không đúng. Vì trên thực tế bà không có vay khoản nợ nào với bà Lê Thị Đ. Vì vậy bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Tại phiên toà hôm nay bà T chỉ thừa nhận có nợ Bà Đ số tiền 20.000.000 đồng viết phía sau tờ lịch. Đối với số tiền 300.000.000 đồng bà có vay vào ngày 12/11/2020 nhưng đã trả xong. Nay Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà trả nợ theo giấy biên nhận nợ là 320.000.000 đồng bà không đồng ý, mà chỉ đồng ý trả số nợ vay 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 20.000.000 đồng vì hiện nay kinh tế khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên toà, bà Lê Thị Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu bà T trả vốn gốc là 320.000.000 đồng không yêu cầu trả lãi. Xét thấy, việc rút

một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đ là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên toà, bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy xác nhận nợ ngày 12/01/2021 với số tiền vay là 320.000.000 đồng, đây là số tiền của hai khoản vay được viết gộp lại thành một. Trong đó 20.000.000 đồng bà T thừa nhận đến nay chưa trả, được viết phía sau tờ lịch ngày 07 tháng 03 năm 2021 (dương lịch), nay bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng vào ngày 12/11/2020 bà đã trả xong, nên không đồng ý trả. Xét thấy lời trình bày của bà T là không có cơ sở, bởi lẽ bà T không có chứng cứ chứng minh cho việc đã trả xong số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và cũng không chứng minh được có sự ép buộc hay đe dọa của nguyên đơn để ký vào giấy xác nhận nợ ngày 12/01/2021, nay thừa nhận có vay số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả, như vậy tổng số tiền vay mà bà còn nợ lại Bà Đ là 320.000.000 đồng, điều này phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên cần buộc bà T phải trả số tiền vốn vay nêu trên là phù hợp với qui định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên toà nguyên đơn không yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả vốn gốc 320.000.000 đồng điều này có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Xét thấy từ khi vay đến nay bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên cần phải buộc bị đơn trả số nợ trên khi án có hiệu lực pháp.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, nên Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (320.000.000 đồng x 5%) là 16.000.000 đồng. Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 5, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Đ.

2/ Đình chỉ xét xử của bà Lê Thị Đ về việc yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền lãi là 100.160.000 đồng.

3/ Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vay vốn gốc 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Thời gian trả thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí:

- Bà Lê Thị T phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Đ là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy không phải hoàn lại tạm ứng án phí cho Bà Đ.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*ĐÃ KÝ*

**Trịnh Phan Minh Trâm**

